Ký bởi Ủy ban nhân dân
Tỉnh Ninh Thuận
Giờ ký: 12/10/2018 08:22:48

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 89 /2018/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 10 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2944/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, gồm 4 chương, 11 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20...tháng 10 năm 2018 và thay thế Quyết định số 81/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sơ vững mạnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Thuận;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VXNV. PD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số 89 /2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định tiêu chí xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích:

Việc đánh giá, xếp loại hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở hằng năm nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu cơ quan và tập thể trong công tác quản lý hành chính Nhà nước. Thông qua đánh giá phân loại thấy được mặt mạnh, mặt yếu của chính quyền cấp xã nhằm phát huy mặt tích cực và khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý Nhà nước ở địa phương.

2. Yêu cầu:

Khi xem xét, đánh giá phân loại định kỳ hằng năm phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, toàn diện, cụ thể, phản ánh đúng thực trạng, tình hình cơ sở, phù hợp đặc điểm cụ thể của từng địa phương.

Hằng năm có tổng kết đánh giá phân loại chính quyền cấp xã theo các tiêu chí được quy định tại Chương II của Quy định này, làm cơ sở cho việc tổ chức phong trào thi đua xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh, là điều kiện để bình xét các danh hiệu thi đua khác.

Chương II
NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VỮNG MẠNH

Điều 3. Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội: 40 điểm

1. Về kinh tế: 15 điểm.

a) Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế hằng năm theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp và của cấp trên giao, đúng chính sách, đúng pháp luật: 8 điểm.

- Về sản xuất nông nghiệp: 2 điểm.

- Về thương mại – dịch vụ: 2 điểm.

- Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: 1 điểm.

- Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1 điểm.

- Tổng thu ngân sách nhà nước: 2 điểm.

Chỉ tiêu nào không đạt so với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và của cấp trên giao, không tính điểm.

b) Huy động nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương, để phát triển kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng về cung ứng dịch vụ công cộng: 2 điểm.

- Xã hội hóa các trang thiết bị, cơ sở vật chất (Y tế, giáo dục, thể dục, thể thao...): 1 điểm.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông nông thôn; Trường học; Trạm Y tế, Trung tâm văn hóa, Nhà văn hóa): 1 điểm.

c) Thực hiện đúng quy định pháp luật về công tác quản lý và sử dụng đất đai; quản lý đô thị; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá bồi thường đất tại các xã, phường, thị trấn: 3 điểm.

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá bồi thường đất tại Ủy ban nhân dân cấp xã và thôn-khu phố: 1 điểm.

- Quản lý tốt công tác quản lý đất đai, quản lý đô thị (không để xảy ra xây dựng trái phép, lấn chiếm đất công, sử dụng đất sai mục đích; lấn chiếm lòng lề đường): 2 điểm.

Những nội dung nào thực hiện không đạt theo quy định thì bị trừ 1 điểm.

d) Thực hiện công khai ngân sách cấp xã; thu, chi đúng theo quy định hiện hành (trường hợp bị cơ quan thẩm quyền tiến hành thanh kiểm tra, kiểm toán và đồng thời yêu cầu xuất toán thì không đạt điểm ở phần này): 2 điểm.

- Công khai ngân sách cấp xã: 1 điểm.

- Thu, chi đúng theo quy định hiện hành: 1 điểm.

2. Về văn hoá - xã hội: 15 điểm.

a) Thực hiện đạt 100% chỉ tiêu tăng dân số tự nhiên, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 2 điểm.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1 điểm.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi: 1 điểm.

b) Thực hiện công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động: 5 điểm.

- Công khai danh sách hộ nghèo ở xã và các thôn, khu phố: 1 điểm.

- Thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 2 điểm.

- Giải quyết việc làm cho người lao động đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 2 điểm.

+ Đạt 100 chỉ tiêu kế hoạch: 2 điểm.

+ Từ 90- dưới 100%: 1 điểm.

c) Thực hiện tốt quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh trên địa bàn: 2 điểm, cụ thể như sau:

- Môi trường: 0,5 điểm.

- An toàn vệ sinh thực phẩm: 0,5 điểm.

- An ninh trật tự: 0,5 điểm.

- Các quy định khác của pháp luật về sản xuất kinh doanh: 0,5 điểm.

(Vi phạm một trong các nội dung trên, mỗi nội dung trừ 0,5 điểm).

d) Quan tâm và giải quyết chế độ đối với các đối tượng thuộc diện chính sách đúng, kịp thời theo quy định: 2 điểm.

- Người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: 1 điểm.

- Người nghèo hoặc đồng bào dân tộc thiểu số: 1 điểm.

(Thực hiện chậm trễ kéo dài hoặc bị phản ảnh, khiếu nại lĩnh vực nào thì không đạt điểm lĩnh vực đó).

đ) Xây dựng gia đình văn hoá, thôn-khu phố văn hóa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 4 điểm.

- Xây dựng gia đình văn hóa đạt chỉ tiêu kế hoạch: 2 điểm.

+ Đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch: 2 điểm.

+ Từ 90 đến dưới 100 % chỉ tiêu kế hoạch: 1 điểm.

- Thôn, khu phố văn hoá duy trì và thực hiện đầy đủ các nội dung tiêu chí và đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra: 2 điểm (các thôn, khu phố được công nhận thôn, khu phố văn hóa, nhưng không duy trì được các nội dung theo tiêu chí như: để xảy ra mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội bị trừ mỗi nội dung 0,5 điểm).

+ Xây dựng thôn, khu phố văn hóa đạt kế hoạch: 1 điểm.

+ Duy trì, thực hiện đầy đủ và không vi phạm các nội dung tiêu chí của thôn, khu phố văn hóa được công nhận: 1 điểm.

3. Về giáo dục, môi trường, y tế: 10 điểm.

a) Lãnh đạo thực hiện chống tái mù chữ, phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và giảm tỷ lệ số học sinh bỏ học giữa chừng theo chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; Chất lượng cung ứng giáo dục đạt tiêu chuẩn quy định; phối hợp huy động đủ trẻ em trong độ tuổi vào mẫu giáo, tiểu học theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra: 5 điểm.

- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác duy trì phổ cập tiểu học theo chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua: 0,5 điểm.

- Lãnh đạo thực hiện tốt phổ cập trung học cơ sở theo chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua: 1 điểm.

- Lãnh đạo thực hiện giảm tỷ lệ số học sinh bỏ học giữa chừng theo chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua: 0,5 điểm.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học về cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học: 1 điểm.

- Chất lượng học tập của học sinh nâng lên (tỷ lệ học sinh giỏi, khá đạt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm): 1 điểm.

- Huy động đủ trẻ em trong độ tuổi vào mẫu giáo và tiểu học: 1 điểm.

b) Tổ chức thực hiện tốt chỉ tiêu về môi trường: 2 điểm.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định từ 95% trở lên (đối với nước sạch từ 60% trở lên): 0,5 điểm.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch từ 85% trở lên: 0,5 điểm.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất-kinh doanh được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định: 01 điểm.

(Những nội dung không đạt chỉ tiêu thì không tính điểm).

c) Hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Chương trình Y tế-Dân số; đảm bảo phòng chống bệnh dịch, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân: 3 điểm.

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Chương trình Y tế-Dân số: 1 điểm.

- Phối hợp thực hiện tốt việc bố trí Bác sĩ làm việc thường xuyên hoặc định kỳ theo quy định tại trạm y tế; trạm y tế có trang thiết bị, thuốc và các phương tiện khác phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của Nhân dân: 1 điểm.

- Khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân đạt theo yêu cầu: 1 điểm.

(Nếu tiêu chí nào không đáp ứng thì không chấm điểm nội dung đó; để xảy ra tử vong trong điều trị do sai sót về chuyên môn; y đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế bị phản ảnh thì không chấm điểm nội dung khám chữa bệnh)

Điều 4. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: 20 điểm

1. Lãnh đạo thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Giữ vững tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra trọng án.

2. Tuyển quân đạt chỉ tiêu về chất lượng và số lượng, không có quân nhân đào ngũ, bỏ ngũ, không có trường hợp chống lệnh, chống khám.

3. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập bảo đảm đạt các yêu cầu về xây dựng lực lượng Công an, Quân sự, dân phòng theo quy định. Bảo đảm trực sẵn sàng chiến đấu.

Căn cứ vào điểm bình xét, xếp loại hằng năm của Công an và Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện, cùng các tiêu chí của Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra, việc chấm điểm tiêu chí này như sau:

a) Đối với an ninh: 10 điểm.

- Xã, phường, thị trấn đạt loại xuất sắc : 10 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại khá : 8 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại trung bình : 5 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại yếu kém : 0 điểm.

b) Đối với quốc phòng: 10 điểm.

- Xã, phường, thị trấn đạt loại tốt : 10 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại khá : 8 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại trung bình : 5 điểm.
- Xã, phường, thị trấn đạt loại yếu kém : 0 điểm.

Điều 5. Lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy cấp xã, thôn-khu phố: 35 điểm

1. Hội đồng nhân dân: 5 điểm.

a) Chuẩn bị kỳ họp và triệu tập các kỳ họp đúng luật định: 1 điểm.

b) Thực hiện đúng quy định pháp luật về tiếp xúc cử tri: 1 điểm.

c) Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân: 1,5 điểm.

d) Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đến người dân về quyền và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bầu cử trên địa bàn: 1,5 điểm.

2. Ủy ban nhân dân: 25 điểm.

a) Hoạt động đúng quy chế, thực hiện đầy đủ các chế độ sinh hoạt, họp giao ban định kỳ (có thông báo nội dung các cuộc họp; có chương trình công tác trọng tâm hằng năm, quý, tháng): 3 điểm.

- Hoạt động Ủy ban nhân dân đúng quy chế; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đúng theo nội dung và thời gian quy định: 1 điểm.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ sinh hoạt, họp giao ban định kỳ theo đúng quy định (có thông báo nội dung các cuộc họp): 1 điểm.

- Xây dựng chương trình công tác trọng tâm hằng năm, quý, tháng: 1 điểm.

b) Thực hiện tốt việc tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo: 5 điểm.

- Thực hiện tốt tiếp công dân theo định kỳ (có phân công cán bộ tiếp dân và thông báo lịch tiếp dân được niêm yết công khai theo quy định): 1 điểm.

- Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Nhân dân đúng luật định, không có đơn thư tồn đọng: 2 điểm.

- Thực hiện tốt công tác hòa giải, đối thoại với nhân dân, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của người dân đúng quy định: 2 điểm.

c) Công khai các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa", "Một cửa liên thông" đúng theo quy định hiện hành: 5 điểm.

Căn cứ kết quả thẩm định và xếp loại của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính cấp huyện xếp loại hàng năm, trên cơ sở mức xếp loại, quy định số điểm như sau:

- Kết quả xếp loại tốt: 05 điểm;

- Kết quả xếp loại khá: 03 điểm;

- Kết quả xếp loại trung bình: 01 điểm.

d) Hằng năm có tổ chức họp dân lấy ý kiến (có biên bản họp dân): 3 điểm.

- Về nghị quyết và chương trình kế hoạch công tác năm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: 1 điểm.

- Tổ chức cho Nhân dân góp ý về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: 1 điểm.

- Ban thanh tra nhân dân hoạt động đúng quy định và hiệu quả: 1 điểm.

đ) Phát động phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề tổ chức sơ tổng kết theo yêu cầu của cấp trên đúng thời gian quy định: 1 điểm.

e) Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức: 6 điểm.

- Có quy hoạch và cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền: 0,5 điểm.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên: 1 điểm.

+ Đạt 100%: 1 điểm.

+ Đạt từ 90% đến dưới 100%: 0,5 điểm.

+ Đạt dưới 90%: 0 điểm.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức, thực hiện phần mềm về quản lý cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định: 1 điểm.

- Chấp hành nghiêm Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 10/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có cán bộ, công chức vi phạm Chỉ thị số 24/CT-UBND không tính điểm nội dung này): 2 điểm.

- Cán bộ, công chức có xây dựng và thực hiện tốt chương trình trọng tâm (tháng, quý, năm): 1 điểm.

- Đánh giá cán bộ, công chức đúng quy trình, thời gian quy định: 0,5 điểm.

g) Quản lý tốt hồ sơ, bản đồ, mốc địa giới hành chính (có báo cáo kiểm tra mốc Địa giới hành chính vào tháng 11 hằng năm): 2 điểm. Quản lý không tốt hoặc không báo cáo kiểm tra mốc địa giới hành chính hằng năm cứ mỗi nội dung trừ 1 điểm.

3. Thôn, khu phố: 5 điểm.

- Thực hiện kiện toàn tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố và tổ tự quản về an ninh- trật tự theo đúng quy định hiện hành: 2 điểm.

+ Kiện toàn tổ chức của thôn, khu phố và tổ tự quản về an ninh- trật tự; tổ chức cho người dân tham gia bầu cử chức danh Trưởng thôn - khu phố: 1 điểm.

+ Tổ chức hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của thôn, khu phố và tổ tự quản về an ninh- trật tự: 1 điểm.

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên địa bàn: 3 điểm.

+ Về đất đai, nhân hộ khẩu, các công trình công cộng: 1 điểm.

+ Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hòa giải trong Nhân dân: 1 điểm.

+ Xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước: 1 điểm.

Điều 6. Thực hiện chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí: 5 điểm

1. Có xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch về tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân chống tham nhũng, buôn lậu và các hành vi tiêu cực khác: 1 điểm.

2. Thực hiện tốt việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4- Khóa XII của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; kiểm soát, quyết tâm phòng, chống không để xảy ra tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công; Thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 4 điểm.

- Thực hiện tốt việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4- Khóa XII trong nội bộ cơ quan: 1 điểm.

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1 điểm.

- Xử lý nghiêm kịp thời đối với cán bộ, công chức tiêu cực tham nhũng: 1 điểm.

- Thực hiện tốt kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo quy định: 1 điểm.

Chương III
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ VÀ XẾP LOẠI

Điều 7. Xếp loại

Các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh hằng năm được đánh giá xếp loại theo 4 loại như sau :

1. Xã, phường, thị trấn Vững mạnh: đạt được số điểm từ 90 điểm trở lên.

2. Xã, phường, thị trấn Khá : đạt được số điểm từ 70 đến 89 điểm.

3. Xã, phường, thị trấn Trung bình : đạt được số điểm từ 50 đến 69 điểm.

4. Xã, phường, thị trấn Yếu kém : đạt được số điểm dưới 50 điểm.

Điều 8. Điểm cộng, điểm trừ, hạ bậc xếp loại

1. Điểm cộng:

a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra về xây dựng nông thôn mới được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận: 5 điểm.

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, duy trì tốt các tiêu chí theo quy định: 3 điểm.

2. Điểm trừ:

Sau khi chấm điểm theo quy định, những xã, phường, thị trấn nào vi phạm các nội dung sau, sẽ bị trừ 5 điểm cho từng nội dung:

a) Kết quả thẩm định của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính cấp huyện xếp loại yếu: trừ 5 điểm.

b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật: trừ 5 điểm.

c) Thực hiện đánh giá xếp loại chính quyền cơ sở vững mạnh hàng năm không đúng thời gian theo quy định: trừ 5 điểm.

3. Hạ 1 bậc xếp loại vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Bị xử lý kỷ luật tập thể từ khiển trách trở lên.

b) Mất an toàn trên địa bàn xã, phường, thị trấn (để mất cắp tài sản, cháy nổ).

c) Có văn bản nhắc nhở hoặc phê bình của cấp trên từ 2 lần trở lên.

d) Để cho Nhân dân khiếu kiện đông người, vượt cấp gây mất trật tự mà không có giải pháp ngăn chặn kịp thời.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch thực hiện và đăng ký bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, phấn đấu trở thành xã, phường, thị trấn vững mạnh, thời gian đăng ký chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với lãnh đạo các tổ chức hệ thống chính trị ở cơ sở chủ động tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả phấn đấu theo tiêu chuẩn trên (có ý kiến của cấp ủy) xây dựng báo cáo, đánh giá, xếp loại theo thang điểm quy định và thông qua tập thể; gửi lên Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, thời gian chậm nhất là ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thẩm định, ra quyết định công nhận cho từng loại xã, phường, thị trấn theo nội dung tiêu chí tại Quy định này; tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức đánh giá, thẩm định (không xếp loại đối với những đơn vị không đăng ký đầu năm); đưa giải pháp khắc phục những điểm yếu để nâng cao chất lượng hoạt động chính quyền ở cơ sở.

2. Tổ chức hội nghị tổng kết, biểu dương khen thưởng các xã, phường, thị trấn vững mạnh. Tổng hợp báo cáo và lựa chọn những xã, phường, thị trấn xuất sắc tiêu biểu đạt 3 năm liền đạt chính quyền cơ sở vững mạnh gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) thời gian chậm nhất là ngày 15 tháng 12 hàng năm để xem xét, khen thưởng.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ tham mưu đôn đốc, kiểm tra, thẩm định báo cáo kết quả của các huyện, thành phố, đồng thời tiến hành tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét biểu dương, khen thưởng các xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện, tiêu biểu 03 năm liền. Không xem xét khen thưởng đối với các trường hợp gửi sau thời hạn quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh